

Số 485/2024

/OPT/MT-KO

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-11
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực Trạm chuyển hướng D3
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'58,1" Vĩ độ: 21o36'37,3"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; Thường quy bộ y tế; NIOSH Method 7300; MCRI-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	69	-
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm ³	<15000	40000
3	CO ₂ (*)	Thường quy bộ y tế	%	0,08	-
4	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	<80	10000
5	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	<45	10000
6	Pb(*)	NIOSH 7300	µg/Nm ³	<0,25	-

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 04 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KIỂM GIÁM ĐÓC
KIỂM GIÁM ĐÓC



Trịnh Đức Cường



Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Số 485.1/2024 /QTTNMT-KQ

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-11
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực Trạm chuyển hướng D3
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'58,1" Vĩ độ: 21o36'37,3"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Hơi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị My

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

SK 48617074

ICPTNMT-KQ

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-12
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực dân cư Trạm chuyển hướng D4
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'10,2" Vĩ độ: 21o36'40,2"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; Thường quy bộ y tế; NIOSH Method 7300; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT
1	Bụi TSP	TCVN,5067:1995	µg/Nm ³	<63	-
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm ³	<15000	40000
3	CO ₂ (*)	Thường quy bộ y tế	%	0,07	-
4	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	<80	10000
5	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	<45	10000
6	Pb(*)	NIOSH 7300	µg/Nm ³	<0,25	-

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Số 486.11/2024 /QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-12
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực dân cư Trạm chuyển hướng D4
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'10,2" Vĩ độ: 21o36'40,2"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Hơi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

Số 487/H 2024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-13
7	Vị trí mẫu	Tại nhà văn hóa liên tổ 4,5,6
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'16,8" Vĩ độ: 21o36'44,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; Thường quy bộ y tế; NIOSH Method 7300; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	89	300
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm ³	<15000	30000
3	CO ₂ (*)	Thường quy bộ y tế	%	0,07	-
4	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	<80	200
5	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	<45	350
6	Pb(*)	NIOSH 7300	µg/Nm ³	<0,25	-

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
 - Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
 - Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

Số 487.11/2024

/OTTNMT-KO

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-13
7	Vị trí mẫu	Tại nhà văn hóa liên tổ 4,5,6
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'16,8" Vĩ độ: 21o36'44,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Hơi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 488/2024

/QTTNMT-KQ

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-14
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực Trạm chuyển hướng D6
8	Tọa độ	Kinh độ: 105°48'20,3" Vĩ độ: 21°36'47,4"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; Thường quy bộ y tế; NIOSH Method 7300; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	72	-
2	CO(*)	QTC-PT01	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<15000	40000
3	CO ₂ (*)	Thường quy bộ y tế	%	0,03	-
4	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<80	10000
5	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<45	10000
6	Pb(*)	NIOSH 7300	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	<0,25	-

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Add: 425A - Đường Phan Đình Phùng - Thành phố Thái Nguyên
Tel: (0208) 3750876; Fax: (0208) 3657366; Email: cemp@vnn.vn



VILAS 154

Số 488.1/2024

OT/NMT-KO

VIMCERTS 024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-14
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực Trạm chuyển hướng D6
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'20,3" Vĩ độ: 21o36'47,4"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Hơi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ

Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thầu phụ, nhà thầu phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc

SK. 489 / 2024

10/11/2024

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-15
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực dân cư tổ 8, phường Quan Triều, cách Trạm chuyển hướng D7 khoảng 20m
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'31,5" Vĩ độ: 21o36'55,7"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 5067:1995; TCVN 6137:2009; TCVN 5971:1995; Thường quy bộ y tế; NIOSH Method 7300; MCRE-SOP-KK.14(PQT)
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Bụi TSP	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	75	300
2	CO(*)	QTC-PT01	µg/Nm ³	<15000	30000
3	CO ₂ (*)	Thường quy bộ y tế	%	0,07	-
4	NO ₂ (*)	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	<80	200
5	SO ₂ (*)	TCVN 5971:1995	µg/Nm ³	<45	350
6	Pb(*)	NIOSH 7300	µg/Nm ³	<0,25	-

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Đức Cường

Nguyễn Thị Mỹ



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
 - Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
 - Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Không khí
6	Ký hiệu mẫu	KK-3.21.1-15
7	Vị trí mẫu	Tại khu vực dân cư tổ 8, phường Quan Triều, cách Trạm chuyển hướng D7 khoảng 20m
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o48'31,5" Vĩ độ: 21o36'55,7"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo NIOSH Method 1500
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	22/3/2024 đến 26/4/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
1	Hoi xăng(**)	NIOSH Method 1500	mg/Nm ³	KPH	-

Thái Nguyên, ngày 26 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trịnh Đức Cường



Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu ** là những chỉ tiêu thần phụ, nhà thần phụ Viện Khoa học công nghệ năng lượng và môi trường - VIMCERTS 079

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

SK 4.901 2014

KẾT QUẢ ĐO, PHÂN TÍCH

VIMCERTS 024

1	Đơn vị	Công ty Than Núi Hồng - VVMI
2	Địa chỉ	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
3	Nội dung	Lập báo cáo kết quả quan trắc chất lượng môi trường đợt 1 năm 2024 cho Phân xưởng băng tải
4	Kế hoạch	K3.21.1
5	Loại mẫu	Nước thải
6	Ký hiệu mẫu	NTSX-3.21.1-1
7	Vị trí mẫu	Tại bể thu gom nước thải cuối cùng trước khi vào hệ thống xử lý của Công ty than Khánh Hòa
8	Tọa độ	Kinh độ: 105o47'25,2" Vĩ độ: 21o36'41,1"
9	Tình trạng mẫu	Mẫu được lấy và bảo quản theo TCVN 6663-1:2011; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-3:2016; TCVN 8880:2011
10	Ngày lấy mẫu	22/3/2024
11	Ngày phân tích	23/3/2024 đến 30/3/2024

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT	
					A	B
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	6-9	5,5-9
2	BOD ₅	SMEWW 5210B:2023	mg/L	<2	30	50
3	COD	SMEWW 5220D:2023	mg/L	<15	75	150
4	TSS	SMEWW 2540D:2023	mg/L	7,9	50	100
5	As	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0018	0,05	0,1
6	Hg	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	0,005	0,01
7	Cd	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,001	0,05	0,1
8	Cu	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,0085	2	2
9	Zn	SMEWW 3125B:2023	mg/L	0,028	3	3
10	Tổng Cr	SMEWW 3125B:2023	mg/L	<0,002	-	-
11	Fe	SMEWW 3111B:2023	mg/L	0,18	1	5
12	S ²⁻ (*)	SMEWW 4500-S2-B&D:2023	mg/L	<0,05	0,2	0,5
13	NH ₄ ⁺ -N	TCVN 5988:1995	mg/L	<1,5	5	10
14	Tổng N	TCVN 6638:2000	mg/L	8,8	20	40
15	Tổng P	SMEWW 4500-P.B&E:2023	mg/L	0,62	4	6
16	Tổng Phenol	SMEWW 5530 B&C:2023	mg/L	<0,01	0,1	0,5
17	Tổng dầu khoáng(*)	SMEWW 5520.B&F:2023	mg/L	<2,5	5	10
18	Coliform(*)	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	KPH	3000	5000

Thái Nguyên, ngày 01 tháng 4 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

PHỤ TRÁCH QA/QC MÔI TRƯỜNG KT, GIÁM ĐỐC
PHỔ GIÁM ĐỐC



Trịnh Đức Cường



Nguyễn Thị My



Phạm Thị Nga

Ghi chú:

- Kết quả chỉ đúng với mẫu phân tích
- Những chỉ tiêu có dấu * là những chỉ tiêu chưa được công nhận theo ISO 17025:2017
- SMEWW: Standard methods for the examination of water and wastewater
- Giá trị sau dấu < thể hiện giá trị giới hạn định lượng của phương pháp
- QCVN 40:2011/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp